

Bản án số: 190/2024/DS-ST
Ngày: 06/5/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Châu Thị Lệ
- Ông Phạm Nguyễn Anh T.

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 626/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2024/QĐST-DS ngày 11/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần H. Trụ sở: Số A đường N, phường L, quận Đ, TP. Hà Nội.

Người đại diện pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Đào Anh T, sinh năm 199
- Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Tầng C Tòa nhà T, số B đường N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số 9510 /2023/GUQ-TGĐ12 ngày 09/10/2023) (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Văn Qu, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A đường P, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Anh T trình bày:

Căn cứ giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 21/7/2021 của Ông Đỗ Văn Qu (Sau đây được viết là Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng) Theo đó Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh T đã cấp cho ông Qu một thẻ tín dụng có nội dung: Hạn mức thẻ tín dụng: 400.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Tiêu dùng; thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, từ ngày 21/7/2021 đến ngày 21/7/2024. Lãi suất vay căn cứ “Đăng ký phát hành thẻ tín dụng” ngày 21/7/2021 và Biểu lãi suất, phí thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông Qu sử dụng loại thẻ Visa Signature Dinning lãi suất áp dụng là 30%/năm. Lãi suất quá hạn 145% lãi suất chi tiêu trong hạn. Nợ gốc và lãi trả hàng tháng căn cứ trên số dư tài khoản thẻ tín dụng.

Ngày 22/7/2021 Ngân hàng TMCP H – Chi nhánh T và ông Qu đã ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 có nội dung: Hạn mức cho vay 400.000.000 đồng; mục đích vay vốn: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 22/7/2021 đến ngày 20/7/2022. Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 20/7/2022 là 16%/năm. Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất thấu chi trong hạn, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày cuối cùng của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Phương thức trả nợ gốc/lãi: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng căn cứ trên số dư tài khoản thấu chi.

Quá trình thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 400.000.000 đồng cho ông Qu. Tổng số tiền ông Qu đã rút của hợp đồng thẻ là 466.918.428 đồng. Ông Qu đã thanh toán được số tiền 85.736.391 đồng. Trong đó nợ gốc là 79.190.956 đồng, nợ lãi là 6.545.435 đồng. Từ ngày 10/10/2021 đến nay ông Qu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Từ ngày 10/10/2022 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo phụ lục 01 số 45/2021/QĐ-TGDĐ ngày 05/01/2021.

Đối với hợp đồng hạn mức, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Qu số tiền 400.000.000 đồng. Tổng số tiền Ngân hàng giải ngân và ông Qu đã rút theo hợp đồng hạn mức là 410.450.000 đồng. Thực hiện hợp đồng ông Qu đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 15.552.679 đồng, trong đó, trả gốc là 10.452.679 đồng và lãi là 5.100.000 đồng. Kể từ ngày 09/10/2021 đến nay ông Qu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc và lãi phát sinh. Từ ngày 21/7/2022 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng.

Ngân hàng yêu cầu ông Qu phải thanh toán toàn bộ khoản dư nợ tạm tính đến ngày 06/5/2024 của 02 hợp đồng tín dụng trên là 1.401.837.434 đồng. Trong đó nợ gốc

là 787.724.793 đồng, lãi trong hạn 474.142.218 đồng, lãi quá hạn là 139.970.423 đồng. Cụ thể: Dư nợ của hợp đồng thẻ tín dụng là 770.701.614 đồng (Nợ gốc 387.727.472; lãi trong hạn: 300.515.662 đồng và lãi quá hạn 82.458.480 đồng); Dư nợ của hợp đồng hạn mức còn nợ 631.135.820 đồng (Nợ gốc 399.997.321 đồng, lãi trong hạn 173.626.556 và nợ lãi quá hạn 57.511.943 đồng). Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/5/2024 Ngân hàng yêu cầu ông Qu phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hai hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là Ông Đỗ Văn Qu tại địa chỉ A đường P, Phường T, quận G, nhưng bị đơn vắng mặt, Tòa án cũng không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 11/7/2023 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án không tiếp tục tổ chức phiên hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý; xác định quan hệ tranh chấp, tổng đạt văn bản cho đương sự; thủ tục hòa giải; thời hạn chuẩn bị xét xử; thời gian ban hành quyết định xét xử, gửi hồ sơ đến Viện kiểm sát đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Ngày 22/07/2021 Ngân hàng TMCP H - Chi nhánh T(sau đây viết tắt là Ngân hàng) và Ông Đỗ Văn Qu đã ký kết Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 với hạn mức cho vay: 400.000.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 400.000.000 đồng cho Ông Đỗ Văn Qu, ông Qu đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến 11/3/2024 tổng số tiền 15.552.679 đồng (gốc là 10.452.679 đồng và lãi là 5.100.000 đồng). Tổng số tiền Ngân hàng cấp tín dụng và ông Qu đã rút sử dụng của hợp đồng hạn mức là 410.450.000 đồng. Kể từ ngày 10/10/2021 đến nay Ông Đỗ Văn Qu đã luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Ngày 21/07/2021, Ngân hàng đã thực hiện cấp Thẻ tín dụng hạn mức 400.000.000 đồng cho Ông Đỗ Văn Qu theo Giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng

ngày 21/07/2021. Ông Qu đã thanh toán cho Ngân hàng tính đến 11/3/2024 tổng số tiền 85.736.391 đồng (trong đó gốc 79.190.956 đồng và lãi 6.545.435 đồng). Tổng số tiền ông Qu đã rút sử dụng của hợp đồng thẻ là 466.918.428 đồng. Kể từ ngày 10/10/2021 đến nay Ông Đỗ Văn Qu đã luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh.

Dư nợ tạm tính đến ngày 06/5/2024, Ông Đỗ Văn Qu còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền của 02 hợp đồng nêu trên là: 1.401.837.434 đồng, trong đó: Dư nợ của hợp đồng hạn mức là 631.135.820 đồng. Trong đó, nợ gốc: 399.997.321 đồng, lãi trong hạn: 173.626.556 đồng và lãi quá hạn: 57.511.943 đồng; Dư nợ của hợp đồng thẻ: 770.701.614 đồng. Trong đó, nợ gốc: 387.727.472 đồng, lãi trong hạn: 300.515.662 đồng và lãi quá hạn: 82.458.480 đồng.

Căn cứ các Điều 8, 10, 11 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 ngày 22/7/2021; Điều 4, Điều 8, Điều 9, Điều 14 của Bản điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì bị đơn có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ gốc, lãi, phí và các khoản chi phí theo thoả thuận khác phát sinh liên quan đến hợp đồng này.

Do đó, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/5/2024 của hai hợp đồng là 1.401.837.434 đồng. Kể từ ngày 07/5/2024, bị đơn còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thoả thuận cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

- Căn cứ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2011;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí.

Đề nghị HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng.

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP H có đơn khởi kiện yêu cầu Ông Đỗ Văn Qu trả toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng và hợp đồng tín dụng hạn mức tạm tính đến ngày 06/5/2024 với tổng số tiền là 1.401.837.434 đồng và tiền lãi quá hạn phát sinh. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường T, quận G, TP. Hồ Chí Minh thể hiện Ông Đỗ Văn Qu có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Số A đường P, Phường T, quận G, nhưng không thực tế cư trú tại địa phương, bán nhà đi đâu không rõ. Như vậy, ông Qu thay đổi nơi cư trú không

báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định luật cư trú đã thể hiện nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Ngân hàng đã ghi đúng địa chỉ của ông Qu trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại hợp đồng tín dụng, việc ông Qu thay đổi nơi cư trú mà không báo cho Ngân hàng biết địa chỉ nơi cư trú mới, cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, TP. Hồ Chí Minh.

[1.2] Người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đối với hợp đồng tín dụng hạn mức.

Căn cứ lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 ngày 22/7/2021; Bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng và đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với Ông Đỗ Văn Qu có xác lập hợp đồng hạn mức trên, theo hợp đồng thể hiện: Hạn mức cho vay 400.000.000 đồng; Mục đích vay: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay: Lãi suất thả nổi và được tính trên dư nợ gốc thực tế giảm dần. Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày cấp hạn mức thấu chi cho đến ngày 20/7/2022 là 16%/năm. Ngân hàng có quyền điều chỉnh lãi suất thấu chi trong hạn, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/1 lần vào ngày cuối cùng của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn đang áp dụng. Phương thức trả nợ gốc/lãi: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng căn cứ trên số dư tài khoản thấu chi.

Xét nội dung thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*” và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân số tiền ban đầu cho ông Qu số tiền 400.000.000 đồng cho ông Qu, ông Qu đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 15.552.679 đồng, trong đó, trả gốc là 10.452.679 đồng và lãi là 5.100.000 đồng. Sau khi ông Qu thanh toán một phần khoản nợ trên thì Ngân hàng tiếp tục giải ngân thêm cho ông Qu 10.450.000 đồng. Tổng số tiền ông Qu đã rút sử dụng theo hợp đồng hạn mức là 410.450.000 đồng. Kể từ ngày 09/10/2021 đến nay ông Qu đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Từ ngày 21/7/2022 Ngân hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 06/5/2024 ông Qu còn nợ Ngân hàng số tiền 631.135.820 đồng. Trong đó, nợ gốc 399.997.321 đồng, lãi trong hạn 173.626.556 và nợ lãi quá hạn 57.511.943 đồng. Do ông Qu vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Qu thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức nêu trên và yêu cầu tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ ngày 07/5/2024 là có cơ sở nên chấp nhận.

- Đối với khoản nợ của hợp đồng thẻ tín dụng:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng thẻ tín dụng (giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 21/7/2021 của Ông Đỗ Văn Qu Bản; bản điều khoản, điều kiện khoản về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); Biểu lãi suất, phí thẻ tín dụng của Ngân hàng; Quyết định điều chỉnh lãi suất số 45/2021/QĐ-TGD91 ngày 05/01/2021; Bản sao kê chứng minh khoản tiền giao dịch và thanh toán nợ của khách hàng và đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của Ngân hàng đủ cơ sở xác định giữa Ngân hàng với Ông Đỗ Văn Qu có xác lập hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 21/7/2021, hạn mức thẻ tín dụng: 400.000.000 đồng; thời hạn sử dụng thẻ: 36 tháng, từ ngày 21/7/2021 đến ngày 21/7/2024. Lãi suất vay căn cứ “Đăng ký phát hành thẻ tín dụng” ngày 21/7/2021 và Biểu lãi suất, phí thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ông Qu sử dụng loại thẻ Visa Signature Dinning lãi suất áp dụng là 30%/năm. Lãi suất quá hạn 145% lãi suất chi tiêu trong hạn. Nợ gốc và lãi trả hàng tháng căn cứ trên số dư tài khoản thẻ tín dụng.

Thỏa thuận của các bên tại hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ trên đã thể hiện, quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 400.000.000 đồng cho ông Qu. Tổng số tiền ông Qu đã rút sử dụng theo hợp đồng thẻ là 466.918.428 đồng (Kèm sao kê tài khoản thẻ). Ông Qu đã thanh toán được số tiền 85.736.391 đồng. Trong đó nợ gốc là 79.190.956 đồng, nợ lãi là 6.545.435 đồng. Từ ngày 10/10/2021 ông Qu vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên hàng đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/10/2022 và áp dụng lãi suất quá hạn theo Quyết định điều chỉnh lãi suất số 45/2021/QĐ-TGD91 ngày 05/01/2021 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do ông Qu đã vi

phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Qu thanh toán khoản nợ của hợp đồng thẻ cho Ngân hàng, tạm tính đến ngày 06/5/2024 với số tiền còn nợ là 770.701.614 đồng, trong đó nợ gốc: 387.727.472 đồng; lãi trong hạn: 300.515.662 đồng và lãi quá hạn: 82.458.480 đồng. Yêu cầu ông Qu tiếp tục thanh toán khoản nợ lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 07/5/2024 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Ông Đỗ Văn Qu thanh toán cho Ngân hàng TMCP H tổng số tiền nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng hạn mức và hợp đồng thẻ tín dụng, tính đến ngày 06/5/2024 là: 1.401.837.434 đồng. Trong đó nợ gốc là 787.724.793 đồng, lãi trong hạn 474.142.218 đồng, lãi quá hạn là 139.970.423 đồng, cụ thể:

- Thanh toán khoản nợ của Hợp đồng tín dụng hạn mức là 631.135.820 đồng. Trong đó, nợ gốc: 399.997.321 đồng, lãi trong hạn: 173.626.556 và nợ lãi quá hạn: 57.511.943 đồng, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 ngày 22/07/2021.

- Thanh toán khoản nợ hợp đồng thẻ tín dụng là 770.701.614 đồng, trong đó nợ gốc: 387.727.472 đồng; lãi trong hạn: 300.515.662 đồng và lãi quá hạn: 82.458.480 đồng, theo hợp đồng thẻ tín dụng (Gồm: giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 21/7/2021 của Ông Đỗ Văn Qu Bản; bản điều khoản, điều kiện khoản về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/5/2024 Ông Đỗ Văn Qu phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức và Hợp đồng thẻ tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số nợ là 1.401.837.434 đồng được Tòa án chấp nhận, nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự là 54.055.123 đồng.

Ngân hàng TMCP H không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 24.548.954 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0012735 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Ông Đỗ Văn Qu thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần H tổng số nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng hạn mức và hợp đồng thẻ tín dụng, tính đến ngày 06/5/2024 là: 1.401.837.434 đồng (Một tỷ bốn trăm lẻ một triệu tám trăm ba mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 787.724.793 đồng, lãi trong hạn: 474.142.218 đồng, lãi quá hạn: 139.970.423 đồng, cụ thể:

- Thanh toán khoản nợ của hợp đồng tín dụng hạn mức là: 631.135.820 đồng (Sáu trăm ba mươi một triệu một trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm hai mươi đồng). Trong đó, nợ gốc: 399.997.321 đồng; lãi trong hạn: 173.626.556 và nợ lãi quá hạn: 57.511.943 đồng, theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 00339/HĐTD/2021/HĐTCHM/RB/12388 ngày 22/07/2021.

- Thanh toán khoản nợ của hợp đồng thẻ tín dụng là: 770.701.614 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu bảy trăm lẻ một nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Trong đó nợ gốc: 387.727.472 đồng; lãi trong hạn: 300.515.662 đồng và lãi quá hạn: 82.458.480 đồng, theo hợp đồng thẻ tín dụng (Gồm: giấy đăng ký phát hành thẻ tín dụng ngày 21/7/2021 của Ông Đỗ Văn Qu ký; bản điều khoản, điều kiện về việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 07/5/2024, Ông Đỗ Văn Qu phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hạn mức và hợp đồng thế tín dụng nêu trên cho đến khi trả dứt khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Văn Qu phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 54.055.123 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm năm mươi lăm nghìn một trăm hai mươi ba đồng).

Ngân hàng thương mại cổ phần H không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.548.954 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm mươi bốn đồng), theo biên lai thu số AA/2023/0012735 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, TP. Hồ Chí Minh.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần H và Ông Đỗ Văn Qu có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Thị Thành Huế